

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, BẢO TỒN GEOSITES VÙNG HÀ TIÊN – KIÊN LƯƠNG

Nguyễn Trường Ngân ⁽¹⁾, Hà Quang Hải ⁽²⁾, Trần Công Thành ⁽²⁾

(1) Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM

(2) Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Bài nhận ngày 21 tháng 03 năm 2011, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 14 tháng 09 năm 2011)

TÓM TẮT: Sự đa dạng địa học đã tạo cho khu vực Hà Tiên – Kiên Lương những geosite có giá trị về khoa học, kinh tế, xã hội, giáo dục và mỹ quan. Một số geosite cảnh quan là danh thắng quốc gia, đang được khai thác phục vụ du lịch. Tuy nhiên, nhiều geosite đang bị suy thoái bởi các tác động tự nhiên và con người. Nhóm tác giả sử dụng các phương pháp khảo sát thực địa, điều tra nhanh bằng phiếu phỏng vấn, tham khảo chuyên gia và kinh nghiệm các nước để đánh giá hiện trạng công tác quản lý, bảo tồn tại 5 geosite nổi tiếng gồm: Mũi Nai, Thạch Động, Núi Đá Dựng, Hòn Chông và Moso. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực quản lý xoay quanh 6 khía cạnh: mô hình quản lý, chính sách quy định, kế hoạch tài chính, tham vấn cộng đồng, giáo dục tuyên truyền và đối tác hợp tác.

Từ khóa: đa dạng địa học, địa quyển, bảo tồn, cảnh quan, Geosite, Hà Tiên, Kiên Lương.

1. GIỚI THIỆU

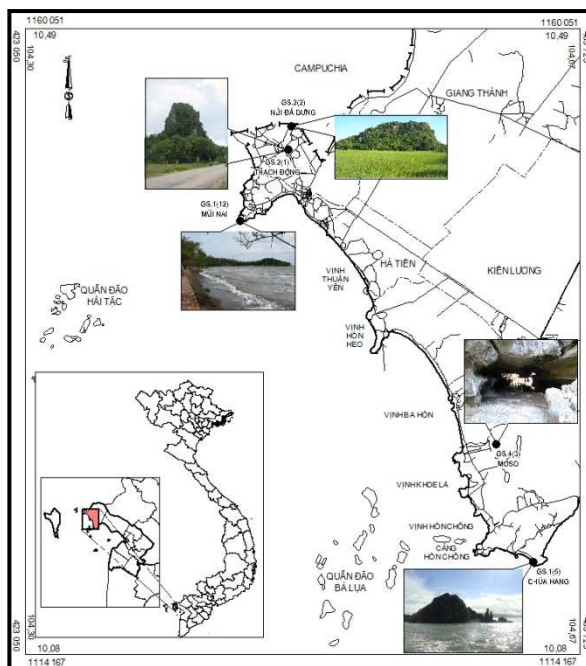
Hà Tiên – Kiên Lương, vùng đất Tây Nam của Việt Nam, được thiên nhiên ban tặng nhiều thắng cảnh biển, núi, đảo và đồng bằng đẹp bậc nhất Đồng bằng Sông Cửu Long.

Theo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kiên Giang, trong tổng số 83 tài nguyên đang khai thác cho hoạt động du lịch của tỉnh thì khu vực Hà Tiên – Kiên Lương chiếm đến 30 (chiếm 36,13%). Khu vực này còn có 29 tài nguyên khác có tiềm năng khai thác cho du lịch [6].

Kết quả phân loại geosite khu vực Hà Tiên - Kiên Lương (Hà Quang Hải, 2009), trong khu vực có 46 geosite có giá trị thuộc các nhóm Địa

tầng, Kiến tạo, Bờ biển, Karst và Cảnh quan [5]. Năm geosite nổi tiếng trong số đó: Mũi Nai, Thạch Động, Đá Dựng, Chùa Hang và Moso (hình 1) được chọn cho nghiên cứu này.

Quá trình khảo sát cho thấy công tác quản lý và bảo tồn tại các geosite còn nhiều hạn chế. Để nâng cao hiệu quả công tác này, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp về mô hình quản lý, chính sách quy định, kế hoạch tài chính, tham vấn cộng đồng, giáo dục tuyên truyền và đối tác hợp tác.



Hình 1. Bản đồ vị trí các geosite khảo sát

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khảo sát thực địa

Kết quả của khảo sát thực địa sẽ là cơ sở cho việc chọn địa điểm nghiên cứu chi tiết và thiết kế phiếu khảo sát.

Công tác khảo sát thực địa tiến hành trong 2 đợt: đợt 1 từ ngày 09 đến 14/8/2009; đợt 2 từ ngày 25 đến 30/8/2009 tại 38 geosite vùng Hà Tiên – Kiên Lương. Lựa chọn các địa điểm nghiên cứu chi tiết căn cứ vào các tiêu chí như: tính đại diện, có giá trị cao, đã có hoạt động quản lý bảo tồn và đang chịu tác động mạnh của con người.

2.2. Điều tra nhanh bằng phiếu câu hỏi

Điều tra theo hình thức phỏng vấn cá nhân trực tiếp ba đối tượng: người dân, khách du lịch và nhân viên quản lý. Phương pháp này thu thập thông tin nhanh hơn, có thể mở rộng vấn

đề nhờ các câu hỏi mở, người phỏng vấn dễ kiểm soát cuộc phỏng vấn hơn [17].

Tổng số phiếu điều tra trong khu vực nghiên cứu là 100 phiếu. Các nội dung phỏng vấn bao gồm: (1) Phần thông tin nền, (2) Phần nhận biết chung về các điểm geosite (giá trị, tác động) và (3) Công tác quản lý bảo tồn.

2.3. Tham khảo chuyên gia và kinh nghiệm các nước

Công tác quản lý bảo tồn geosite ở nước ta chưa được đặt ra, vì vậy nghiên cứu này chủ yếu tham khảo kiến thức chuyên gia trong và ngoài nước cũng như các tài liệu, kinh nghiệm bảo tồn geosite của các nước Anh, Mỹ, Canada, Hong Kong, Tasmanian và Serbia.

Theo IUCN [7], cấu trúc một hệ thống quản lý tài nguyên bao gồm các thành phần như sau:



Hình 3. Cấu trúc một hệ thống quản lý tài nguyên (Nguồn: IUCN, 2008 [7])

Hai thành phần được các chuyên gia đánh giá quan trọng nhất trong hệ thống này là (1) Mô hình quản lý và (2) Chính sách tài chính.

(1) Mô hình quản lý

Quản lý dựa vào Chính phủ				Quản lý dựa vào Cộng đồng	
Viên chức Chính phủ và những người ra quyết định nắm quyền kiểm soát	Đồng quản lý tham vấn Chính phủ hợp tác thường xuyên nhưng là người ra quyết định	Đồng quản lý cộng tác Chính phủ và các bên liên quan hợp tác chặt chẽ và cùng ra quyết định	Đồng quản lý ủy thác Chính phủ để cho bên liên quan hoặc người sử dụng ra quyết định	Công dân và đại diện cộng đồng nắm quyền kiểm soát	

Hình 2. Các mô hình quản lý tài nguyên (Nguồn: P. McConney, 2003 [11])

(2) **Kế hoạch tài chính:** IUCN [7] chỉ ra rằng yếu tố tài chính quyết định sự thành công của một chương trình quản lý tài nguyên. Tài chính bền vững nghĩa là một tỷ lệ nhất định kinh phí chi cho các hoạt động quản lý và bảo tồn phải do chính tài nguyên đó sinh ra. Muốn thế, đưa tài nguyên vào kinh doanh phát triển du lịch là giải pháp hiệu quả nhất.

3. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ BẢO TỒN GEOSITES

Nhóm tác giả dựa vào cấu trúc hệ thống quản lý tài nguyên theo IUCN để phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý bảo tồn tại 5 điểm geosite đã chọn.

3.1. Mô hình quản lý

Mô hình do nhà nước quản lý đang được áp dụng tại 4 trong tổng số 5 geosite khảo sát, một số điểm kết hợp giữa nhà nước với nhà chùa hoặc các doanh nghiệp tư nhân. Hang Moso hiện đang được người dân quản lý tự phát.

Bảng 1. Mô hình quản lý, bảo tồn tại các điểm geosite ở Hà Tiên – Kiên Lương

STT	Địa điểm	Mô hình quản lý	Đối tượng quản lý chính
1	Mũi Nai	Đồng quản lý ủy thác	Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại – Du Lịch Hà Tiên và các công ty tư nhân
2	Thạch Động	Đồng quản lý ủy thác	Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại – Du Lịch Hà Tiên và Chùa Tiên Sơn
3	Đá Dựng	Dựa vào Chính phủ	Trung Tâm Xúc Tiến Thương Mại – Du Lịch Hà Tiên
4	Chùa Hang	Đồng quản lý ủy thác	Công ty cổ phần du lịch Kiên Giang và Chùa Hải Sơn
5	Moso	Chưa có	Người dân địa phương tự phát

Đối với những geosite mô hình đồng quản lý ủy thác: nhà nước chịu trách nhiệm khu vực bên ngoài (bán vé vào cổng, bảo vệ, vệ sinh), nhà chùa hay các công ty tư nhân quản lý khuôn viên bên trong. Mô hình này dẫn đến chồng chéo trong quản lý, sự phối hợp thiếu chặt chẽ và thường đổ trách nhiệm lẫn nhau.

Hang Moso chưa có mô hình quản lý, người dân địa phương tự phát hướng dẫn khách du lịch, xây dựng các công trình phụ trợ, bảo vệ an ninh khu vực...Tuy số lượng du khách đến Moso chưa nhiều nhưng cũng đã bộc lộ nhiều tác động tiêu cực đáng báo động và cấp thiết cần tiến hành quản lý.

3.2. Chính sách và quy định

Nội dung này gồm các khía cạnh: (1) Chính sách pháp luật của chính quyền trung ương và địa phương, (2) Chiến lược quy hoạch phát triển trung hạn và dài hạn. (3) Quy chế, nội quy quản lý tại từng geosite. Chính sách và quy định càng chặt chẽ, chi tiết chứng tỏ mức độ quan tâm của người quản lý đến công tác quản lý bảo tồn càng cao.

(1) Chính sách của nhà nước

Ngày 21/01/1989, Bộ Văn hóa ban hành quyết định số 100-VH/QĐ công nhận Hòn Chông là thắng cảnh cấp Quốc gia (trong đó có Chùa Hang).

Ngày 19/10/2004, UBND tỉnh Kiên Giang đã ra quyết định phê duyệt dự án “*Khai thác bền vững đồng cỏ bàng kết hợp bảo tồn nghề thủ công địa phương tại xã Phú Mỹ, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang*”. Đến nay, dự án này đang triển khai giai đoạn 3.

Tháng 04/2008, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Núi Đá dựng là di tích Quốc gia.

Ngày 20/08/2008, UBND Tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định 1994/2008/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu Dịch vụ - du lịch Mũi Nai, quy mô 11,722ha.

Công tác quản lý, bảo tồn geosite đã được chính quyền các cấp quan tâm, tuy nhiên mới tập trung quản lý bảo tồn các giá trị cảnh quan, lịch sử và sinh thái, chưa quan tâm đến các giá trị địa chất, địa mạo.

(2) **Chiến lược quy hoạch phát triển:** Theo kết quả khảo sát, hầu hết các geosites chưa có

định hướng chiến lược, quy hoạch hay duy trì, tôn tạo, mở rộng khai thác các giá trị khác trong tương lai.

(3) **Quy chế và nội quy tại các địa điểm:** Tại các geosite chưa có các quy chế, nội quy cụ thể rõ ràng cho các hoạt động kinh doanh và thăm viếng. Điều này dẫn đến các hành vi thiếu ý thức của du khách diễn ra khá phổ: Viết, vẽ tùy tiện lên vách hang, trần hang (Thạch Động, Đá Dựng, Chùa Hang, Moso), cột băng vải, ống hút trên các cây và công trình kiến trúc (Đá Dựng, Thạch Động), phóng uế bừa bãi (Moso, Đá Dựng) hay xả rác không đúng nơi quy định (Thạch Động, Đá Dựng và Chùa Hang).

3.3. Chính sách tài chính

Bảng 2. Kết quả thống kê số lượng du khách tại các địa điểm trong năm 2009

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Số du khách năm 2009 (người)
1	Mũi Nai	11,7	971.691
2	Thạch Động	5,0	305.002
3	Đá dựng	35,0	67.775
4	Chùa Hang	0,5	-
5	Moso	1,0	-

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Kiên Giang [2]

Bảng 3. Phác tính các nguồn thu của Trung tâm xúc tiến thương mại – Du lịch Hà Tiên

STT	Địa điểm	Nguồn thu (triệu đồng/năm)				
		Vé vào cổng	Quản lý phí từ các dịch vụ du lịch	Kinh doanh các dịch vụ	Tiền phạt vi phạm	Tiền tài trợ
1	Mũi Nai	4.858,46	1376,4	971,69	0	0
2	Thạch Động	1.525,01	76,8	305,00	0	0
3	Đá Dựng	338,88	20,88	67,78	0	0
	Tổng cộng	6.722,35	1474,08	1.344.47		

Theo kết quả ước tính, doanh thu hàng năm tại 3 địa điểm trên của Trung Tâm Xúc Tiến

Thương Mại – Du Lịch Hà Tiên khoảng 10 tỷ đồng.

(2) Nguồn chi:

Khoản thu trên được chi cho trả lương nhân viên, mua sắm trang thiết bị và trích một phần nộp ngân sách nhà nước.

Theo NOAA [12], để hoạt động du lịch bền vững, các khoản thu phải được chi cho các mục

Bảng 4. Tỷ lệ chi tiêu bền vững cho các mục đích quản lý bảo tồn

STT	Khoản chi tiêu	Tỷ lệ chi tiêu bền vững theo NOAA	Phân phối nguồn thu cho TT XTTM Hà Tiên
1	Nộp ngân sách quản lý bảo tồn	15%	1,5 tỷ
2	Quỹ khẩn cấp	20%	2,0 tỷ
3	Quảng cáo, giáo dục, tuyên truyền	30%	3,0 tỷ
4	Trả lương nhân viên	35%	3,5 tỷ
	Tổng cộng	100%	10,0 tỷ

Nguồn: NOAA [12]

Số nhân viên quản lý tại 3 địa điểm này là 30 người với mức lương khoảng 2,0 triệu đồng/người/tháng. Số tiền thực tế trả lương cho nhân viên hàng năm là 1,5 tỷ đồng (kể cả phụ cấp, tháng lương thứ 13 và các chi phí phúc lợi khác), chiếm 15% doanh thu.

Như vậy, thiếu hụt tài chính chưa phải là vấn đề nghiêm trọng đối với công tác quản lý bảo tồn geosite ở Hà Tiên.

3.4. Tham vấn cộng đồng

Người dân địa phương chưa được tham gia trong các quyết định của cơ quan quản lý. Trình độ dân trí còn hạn chế là nguyên nhân chính khiến người dân thờ ơ đối với công tác quản lý bảo tồn.

3.5. Giáo dục và tuyên truyền

Công tác giáo dục, tập huấn đối với nhân viên quản lý, du khách và người dân là khía cạnh còn bỏ ngỏ tại các geosite. Hầu hết các

điểm khác nhau theo một tỷ lệ nhất định. Theo kinh nghiệm của các khu du lịch Nam California, tỷ lệ chi tiêu hợp lý được xác định như sau:

điểm khảo sát chỉ có những bảng chỉ dẫn đường đi, tên công trình, thiếu các bảng thuyết minh, tờ rơi, sách hướng dẫn và hướng dẫn viên.

Trong các geosite khảo sát, chỉ có Mũi Nai đã xây dựng và vận hành được website riêng tại địa chỉ <http://www.muina.com>. Tuy nhiên, website này cũng chỉ giới thiệu các hoạt động du lịch và ẩm thực, chưa đề cập đến các giá trị tài nguyên. Sự liên kết giữa website này với các trang về du lịch khác còn yếu nên số người truy cập để xem thông tin rất hạn chế.

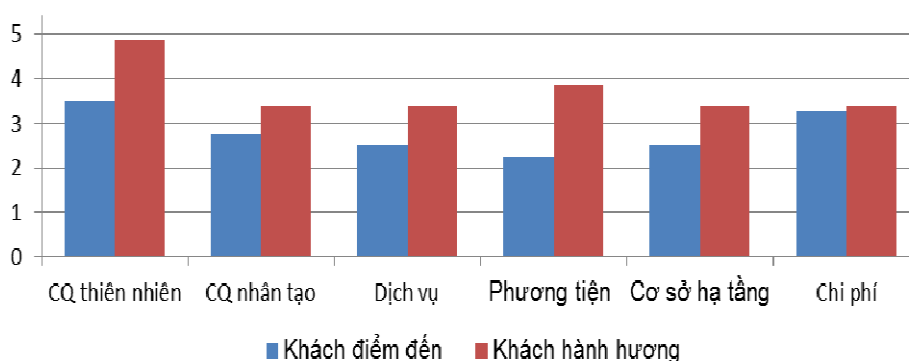
Trong các công cụ quảng bá du lịch thì công cụ truyền miệng được các chuyên gia đánh giá là ít tốn kém và hiệu quả nhất. Hiệu quả của công cụ này thể hiện qua mức độ hài lòng của du khách.

Theo khảo sát thực tế, du khách tại năm điểm khảo sát chủ yếu là khách hành hương theo đoàn, một số ít là khách điem đến. Mức độ hài

lòng của khách du lịch về điểm cảnh quan được khảo sát dựa trên sáu yếu tố: cảnh quan thiên nhiên, cảnh quan nhân tạo, dịch vụ, phương tiện vận chuyển, cơ sở hạ tầng và chi phí. Thang điểm được chia từ 1 đến 5 (1: không hài lòng, 2-4: hài lòng, 5: rất hài lòng). Hình 5 cho thấy mức độ hài lòng của hai đối tượng khách hành hương và khách điếm.

Đối với khách hành hương: Chỉ quan tâm đến giá trị du lịch tín ngưỡng. Đánh giá của họ có tính chất ngẫu nhiên, mức độ hài lòng phụ thuộc vào yếu tố giá trị tín ngưỡng.

Đối với khách điếm đến: Khách điếm đến rất quan tâm đến các giá trị tự nhiên của geosite cũng như những dịch vụ du lịch kèm theo. Họ đánh giá cao giá trị cảnh quan tự nhiên và mong muốn bảo tồn theo hướng khai thác nhưng không làm tổn thương giá trị tự nhiên. Khách điếm đến chưa hài lòng về cảnh quan nhân tạo, chất lượng phục vụ, vệ sinh môi trường, nạn bán hàng rong, ăn xin và các ứng xử thiếu ý thức của một số du khách.



Hình 4. Biểu đồ về mức độ hài lòng của khách du lịch với các điểm khảo sát

Hàng hóa du lịch (sản phẩm lưu niệm, đặc sản địa phương...) vừa là một hình thức tốt để quảng bá giá trị geosite, vừa tạo nguồn thu nhập cho người quản lý và cộng đồng. Tuy nhiên, tại các điểm geosite đang khai thác, loại hàng hóa này vẫn còn rất khan hiếm.

3.6. Đối tác và hợp tác

Một trong những giải pháp cho vấn đề kinh phí quản lý bảo tồn là tìm kiếm các đối tác và hợp tác từ bên ngoài. Tuy nhiên, công tác này hầu như chưa được địa phương và những người trực tiếp quản lý quan tâm. Hiện chưa có cơ sở nghiên cứu khoa học, tổ chức phi chính phủ

hoặc doanh nghiệp nào được kêu gọi hợp tác hay tài trợ.

3.7. Nhận xét chung

Hiện trạng công tác quản lý bảo tồn geosite khu vực Hà Tiên Kiên Lương còn một số tồn tại chính cần khắc phục: thiếu quy hoạch và phân khu chức năng, ý thức của du khách về bảo tồn vệ sinh môi trường còn kém, mô hình quản lý và phân cấp quản lý chưa phù hợp, hoạt động quảng cáo và tiếp thị còn yếu, thiếu các sản phẩm và hàng hóa du lịch, người quản lý chưa quan tâm đến đời sống của cộng đồng địa phương, một số địa điểm có hiện tượng “thả nổi” trong quản lý, dẫn đến tình trạng bán hàng

rong và ăn xin tràn lan (Thạch Động, Hòn Chông), nhận thức về quản lý và bảo tồn của nhân viên quản lý chưa cao và các giá trị của geosite chưa được khai thác toàn diện và bền vững.

4. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, BẢO TỒN CÁC GEOSITES VÙNG HÀ TIÊN – KIÊN LƯƠNG

Căn cứ vào cấu trúc hệ thống quản lý tài nguyên và thực trạng công tác quản lý, nhóm

Bảng 5. Mô hình quản lý đề xuất cho các geosite khảo sát ở Hà Tiên – Kiên Lương

STT	Địa điểm	Mô hình hiện tại	Mô hình đề xuất
1	Mũi Nai	Dựa vào Chính Phủ	Đồng quản lý tham vấn
2	Thạch Động	Đồng quản lý ủy thác	Đồng quản lý cộng tác
3	Đá Dựng	Dựa vào Chính phủ	Dựa vào Chính phủ
4	Moso	Chưa có mô hình quản lý	Đồng quản lý cộng tác
5	Chùa Hang	Đồng quản lý ủy thác	Đồng quản lý cộng tác

Mô hình đồng quản lý cộng tác: tại Thạch Động, Chùa Hang là cộng tác giữa Nhà nước và chùa. Tại Moso là cộng tác giữa Nhà nước và cộng đồng địa phương.

4.2. Chính sách và quy định

(1) Về chính sách, quy hoạch

Đối với các geosite tích hợp nhiều loại giá trị (như Thạch Động, Đá Dựng, Moso), Nhà nước nên sớm có quyết định công nhận là các di sản địa chất để làm căn cứ pháp lý cho công tác quản lý, bảo tồn và nâng cao nhận thức du khách.

Các cấp quản lý nên sớm triển khai dự án quy hoạch chi tiết, phân khu chức năng cho các geosite để giảm nguy cơ suy thoái do tác động của hoạt động du lịch thiếu quản lý. Trong công tác quy hoạch, hai vấn đề sau đây nên đặc

tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý bảo tồn cho các geosite khảo sát.

4.1. Mô hình quản lý

Để đề xuất mô hình quản lý phù hợp cho từng địa điểm, các tác giả căn cứ vào: (1) đặc điểm mô hình quản lý hiện nay, (2) năng lực của các bên liên quan, (3) đặc điểm giá trị của geosite, (4) các tác động và nguy cơ suy thoái và (5) các ý kiến và đề xuất từ các chuyên gia.

biệt quan tâm: (1) Khoảng cách và sắp xếp các khu chức năng bao gồm khu triển lãm và lưu niệm, khu ẩm thực, khu giữ xe, khu vệ sinh, khu cắm trại, khu tắm, khu trò chơi, khu dân cư lân cận... và (2) Hạn chế bố trí các công trình nhân tạo làm che khuất hoặc làm tổn thương đến tính toàn vẹn của cảnh quan tự nhiên, nhất là các geosite nhạy cảm như Moso, Chùa Hang, Thạch Động.

(2) Về quy chế, quy định

Các quy chế, quy định được xây dựng dựa vào kết quả phân tích đặc điểm của du khách. Theo NOAA [12], du khách được phân thành 4 loại: (1) Đi ngang qua, (2) Thăm viếng (bạn bè, người thân, hành hương), (3) Đi theo tour (không xác định trước địa điểm, đi theo tour do

các công ty du lịch tổ chức) và (4) Điểm đến (xác định địa điểm trước khi đi).

Theo khảo sát thực tế, ở Hà Tiên – Kiên Lương du khách thăm viếng hành hương là chủ

yếu, một số ít là khách điểm đến. Đặc điểm khách du lịch được mô tả như bảng 6.

Bảng 6. Đặc điểm khách du lịch hành hương và khách điểm đến

Tiêu chí	Khách hành hương	Khách điểm đến
Mối quan tâm	Tín ngưỡng	Cảnh quan đẹp, mới lạ
Số lượng	Theo đoàn	Cá nhân hoặc nhóm
Thành phần	Đa số phụ nữ, lớn tuổi	Đa số nam/nữ trẻ tuổi
Ý thức bảo tồn	Trung bình hoặc thấp	Cao
Thời điểm du lịch	Các rằm lớn trong năm	Quanh năm

Quy chế và quy định tại mỗi geosite nên quan tâm đến điều chỉnh hành vi cho từng loại du khách. Các biện pháp quản lý cụ thể sau đây có thể cân nhắc để áp dụng:

Giới hạn thời gian và mùa vụ tham quan, đặc biệt hạn chế tham quan vào những mùa geosite dễ bị tổn thương nhất. Ví dụ: hạn chế du khách tham quan Moso vào mùa mưa dầm.

Quy định số người của mỗi nhóm tham quan, áp dụng cho các vị trí dễ tổn thương của Chùa Hang, Moso, Thạch Động, Đá Dựng.

Hạn chế những ứng xử của du khách như: hạn chế các tiếng ồn và ánh sáng, cấm viết vẽ bậy, cấm xả rác bừa bãi, hạn chế thấp nhang trong hang động.

Phân vùng như đóng lại một số vùng đối với du khách, hoặc hạn chế số lượng du khách đến một số vùng quan trọng về mặt sinh thái. Chỉ cho phép khách hành hương tham quan những khu vực có giá trị tín ngưỡng.

Điều tiết giá vé vào các mùa cao điểm hoặc phụ thu phí bảo tồn tại các vị trí dễ bị tổn thương.

Thiết kế các đường đi bộ hoặc tuyến xe điện để hạn chế tác động của các phương tiện giao thông.

Bố trí các thùng đựng rác để khuyến khích du khách không thải rác bừa bãi.

4.3. Kế hoạch tài chính

Như đã phân tích, thiếu hụt tài chính cho hoạt động quản lý bảo tồn không phải là vấn đề chính tại các địa điểm khảo sát. Vấn đề ở đây là hiệu quả và tính hợp lý trong việc sử dụng nguồn thu từ hoạt động du lịch.

Ngoài ra, nhà quản lý cũng nên huy động các nguồn tài trợ, hợp tác từ phía các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan nghiên cứu bảo tồn và các doanh nghiệp hoạt động du lịch.

4.4. Tham vấn cộng đồng

Một thực tế tại các geosite là số lượng nhân viên quản lý còn khiêm tốn nên không thực hiện được tất cả các hoạt động quản lý, đặc biệt vào các thời điểm đông du khách. Do đó, công tác giáo dục, tập huấn cho cộng đồng và mời họ tham gia vào công tác quản lý là cần thiết. Người dân địa phương có thể hỗ trợ tốt các

khía cạnh: Nhắc nhở ý thức cho du khách, bảo vệ tài sản và cảnh quan tự nhiên, giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và giám sát trách nhiệm của nhân viên quản lý.

4.5. Giáo dục và tuyên truyền

(1) Giáo dục bảo tồn

Giáo dục cần tiến hành ở tất cả các cấp quản lý và tất cả các bên liên quan: cộng đồng địa phương, người điều hành du lịch, hướng dẫn viên, du khách và nhân viên quản lý geosite.

Các nội dung giáo dục bảo tồn: giá trị của geosite, các hoạt động bảo tồn đang thực hiện, định hướng quy hoạch, các hành vi ứng xử có thể tổn hại đến geosite bị cấm hay hạn chế và

biện pháp xử lý vi phạm, quyền lợi và trách nhiệm.

Các công cụ hỗ trợ cho giáo dục bao gồm: tờ rơi, sách mỏng, sách hướng dẫn, bản tin, lịch, vật lưu niệm (áo thun, mũ, huy hiệu, móc khóa, ly...), bảng hiệu, trang web, video, phương tiện truyền thông (truyền hình, radio, báo chí...), tổ chức sự kiện, hội thảo, lớp tập huấn, triển lãm, hội chợ....

(2) Tuyên truyền, quảng bá du lịch

Theo kết quả nghiên cứu thị trường du lịch ở Mỹ của công ty du lịch Queensland, tỷ lệ các nguồn thông tin được du khách sử dụng để tìm kiếm địa điểm du lịch thể hiện như bảng 7.

Bảng 7. Nguồn thông tin mà du khách tham khảo về các địa điểm du lịch

STT	Nguồn thông tin tham khảo	Tỷ lệ du khách sử dụng
1	Các websites trên Internet	55%
2	Sách, tờ rơi hoặc cẩm nang du lịch	49%
3	Tạp chí du lịch	44%
4	Bạn bè đã đến đó	43%
5	Cơ quan quản lý du lịch của Nhà nước	36%
6	Gia đình và người thân	31%
7	Những người khác	29%

Nguồn: Queensland, 2006 [16]

Theo kết quả trên, các công cụ tuyên truyền hiệu quả nhất hiện nay là Internet, tờ rơi và truyền miệng (qua bạn bè, người thân và người đam mê du lịch khác). Trong vùng nghiên cứu, việc áp dụng các công cụ này nên lưu ý các điểm sau:

Công cụ internet: Sử dụng Internet cho tiếp thị và quảng bá hình ảnh, giá trị của các điểm geosite. Hai bước sử dụng hiệu quả công cụ Internet là:

(i) *Bước 1:* Thiết lập một websites riêng cho từng địa điểm du lịch, yêu cầu thiết kế sạch sẽ, đơn giản, có tính thẩm mỹ cao, nội dung dễ hiểu, thông tin chính xác, không nên có quá nhiều hình ảnh gây nhiễu thông tin, giao diện thân thiện và dễ sử dụng, dễ truy vấn. Các thông tin một website cần cung cấp: giá trị của geosite, các hoạt động, các chỉ dẫn về thời gian, vị trí (kèm bản đồ), các loại phí, lợi ích của du khách khi đến tham quan, nội quy và các ràng buộc (nếu có) đối với du khách.

(ii) *Bước 2*: Liên kết vào các websites của người điều hành du lịch, văn phòng du lịch, UBND và các websites khác liên quan đến du lịch. Du khách có thể không tìm thấy trực tiếp websites của điểm geosite nhưng họ sẽ tìm được khi truy cập vào các websites có liên kết đến.

Công cụ tờ rơi và sách hướng dẫn: Tại mỗi geosite nên có một sách mỏng hoặc sách hướng dẫn, trong đó đề cập đến các nội dung sau: Sơ đồ vị trí, phân khu chức năng, các điểm tham quan, các giá trị và ý nghĩa của từng điểm tham quan, nội quy, quy định, các ứng xử bị cấm hoặc hạn chế và biện pháp xử lý nếu vi phạm, các chương trình, hoạt động mà du khách có thể tham gia, công khai các khoản chi phí dịch vụ ngoài giá vé vào cổng mà du khách phải chịu, số điện thoại hoặc địa chỉ nơi góp ý, chăm sóc khách hàng....

Sách mỏng hoặc sách hướng dẫn được chuyển đến tay du khách ngay tại cổng vào geosite thông qua hình thức tặng kèm, tính vào giá vé vào cổng hoặc bán riêng với giá ưu đãi. Nếu áp dụng hình thức bán riêng, người quản lý có thể khuyến khích du khách trả lại sau khi kết thúc chuyến tham quan bằng cách đổi sách lấy một vật lưu niệm có ý nghĩa.

Tờ rơi được cung cấp miễn phí cho du khách tại các nơi cung cấp dịch vụ hỗ trợ du lịch như: khách sạn, nhà hàng, các công ty lữ hành, bến xe, bến tàu....

Công cụ truyền miệng: Những lời giới thiệu từ bạn bè, người thân quen về sự hài lòng, mức độ chuyên nghiệp, giá trị của địa điểm là các kênh thông tin ảnh hưởng nhiều nhất đến du

khách. Do đó, công tác quản lý cần chú trọng đến việc nâng cao hình ảnh, sự chuyên nghiệp và chất lượng du lịch.

Địa phương cần phát triển đa dạng hàng hóa du lịch: vật lưu niệm trên nhiều loại vật liệu, tranh phong cảnh, tranh thơ, hàng thủ công mỹ nghệ. Các biểu tượng có thể dùng đưa vào hàng hóa du lịch: Hòn Phụ Tử, Thập cảnh, Mũi Nai, các bài thơ của Mạc Thiên Tích, truyền thuyết Thạch Sanh....

4.6. Đối tác và hợp tác

Người quản lý cần hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu để đánh giá đúng, đủ giá trị các geosite; tìm kiếm các nguồn chi phí bảo tồn từ các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước; phối hợp với các doanh nghiệp có nguyện vọng tham gia vào lĩnh vực du lịch.

5. KẾT LUẬN

Mô hình quản lý bảo tồn geosite ở Hà Tiên – Kiên Lương hiện nay vẫn dựa vào Nhà nước với các đặc điểm: số lượng cán bộ quản lý, chưa có chiến lược quy hoạch phát triển rõ ràng, còn thiếu các quy định, quy chế và còn xem nhẹ công tác tiếp thị tuyên truyền. Những hạn chế trên dẫn đến thực trạng các geosites đang ngày càng suy giảm về giá trị.

Nhóm tác giả đề xuất các mô hình quản lý phù hợp cho từng địa điểm. Các khu chức năng cần bố trí lại hợp lý, phân biệt giữa cảnh quan tự nhiên và các kiến trúc nhân tạo. Kết quả phân tích tài chính cho thấy áp lực về thiếu hụt tài chính trong quản lý bảo tồn là không nghiêm trọng, do đó cần nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn và tăng cường tìm kiếm sự hợp tác và tài trợ từ bên ngoài cũng như khuyến

khích và thu hút cộng đồng tham gia vào các hoạt động quản lý. Các công cụ tuyên truyền được đề xuất sử dụng bao gồm: trang web, tờ rơi, sách hướng dẫn truyền miệng và hàng hóa du lịch.

Trên tất cả mọi giải pháp, nhận thức của nhà nước và người quản lý về giá trị tài nguyên, tầm quan trọng của bảo tồn, sự sẵn lòng từ bỏ lợi ích kinh tế cá nhân vì lợi ích của toàn xã hội là yếu tố quyết định sự thành công của công tác quản lý và bảo tồn geosite.

ASSESSING THE SITUATION AND PROPOSING THE SOLUTIONS TO MANAGE AND CONSERVE GEOSITES IN HA TIEN-KIEN LUONG AREA

Nguyen Trung Ngan ⁽¹⁾, Tran Cong Thanh ⁽²⁾, Ha Quang Hai ⁽²⁾

(1) University of Technology, VNU-HCM

(2) University of Science, VNU-HCM

ABSTRACT: Thanks to its geodiversity, the Ha Tien – Kien Luong area has several geosites of great scientific, economic, social, educational and aesthetic values. Some geosites were recognized as national beauty spots, and they have been exploited for tourism. However, many of them have been degraded by the natural and human impacts. Research methods including field study, interviewing the people, specialist consultation, and reference to international experiences were used to evaluate the actual state of the geosites. Results of this study determined the current management and conservation of five geosites including Mui Nai, Thach Dong, Da Dung, Hon Chong and Moso. The authors proposed a number of solutions of management models, policy rules, financial planning, community consultation and education, and cooperation.

Keywords: geodiversity, geosphere, conservation, landscape, geosite, Ha tien, Kien luong.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. C. Sharples, *Concepts and principles of geoconservation*, Tasmanian Parks & Wildlife Service website, <http://www.dpiw.tas.gov.au>, (2002)
- [2]. C. V. Burek, *The History of Geoconservation*, Geological Society, Special Publications, (2008)
- [3]. David Newsome, *Geotourism*, Elsevier Ltd, (2006)
- [4]. Dj. A. Vasiljević, *Geoconservation of Loess-Palaeosol Sequences in the Vojvodina Region: significant Geoheritage of Serbia*, Quaternary International, (2010)
- [5]. Hà Quang Hải, *Nghiên cứu, đánh giá và phân loại các Geosite phục vụ công tác bảo tồn các di sản thiên nhiên (ví dụ vùng Hà*

- Tiên - Kiên Lương (báo cáo đợt 1), đề tài cấp Đại học Quốc gia, (2009)*
- [6]. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kiên Giang, *Khái quát hệ thống tài nguyên du lịch tỉnh Kiên Giang*, <http://www.kien Giang.vn/portal/index.php?pageid=1390&topicid=77&pagenum=1>
- [7]. IUCN, 2008, *Hướng dẫn quản lý khu bảo tồn thiên nhiên*, (2010)
- [8]. Kevin Kiernan, *Human Impacts on Geodiversity and Associated Natural Values of Bedrock Hills in the Mekong Delta*, Springer-Verlag, (2010)
- [9]. Luis Carcavilla, *Geological Heritage and Geoconservation in Spain: Past, Present, and Future*, Springer-Verlag, (2009)
- [10]. Murray Gray, *Geodiversity-valuing and conserving abiotic nature*, John Wiley&Sons Ltd, (2004)
- [11]. P. McConney, *Guidelines for coastal resource co-management in the Caribbean: communicating the concepts and conditions that favour success*, (2003)
- [12]. NOAA, *Tài liệu khóa tập huấn Quy hoạch du lịch bền vững cho các khu bảo tồn biển vùng biển Đông*, <http://sanctuaries.noaa.gov/management/international/sc st.html>, (2005)
- [13]. Peter W Scott, *GeoValue: Valuing Geodiversity for the Community*, David Roche GeoConsulting, (2007)
- [14]. Richard L. Knight & Sarah F. Bates, *A new century for natural resources management*, Island Press (1995)
- [15]. Sai L Ng and Lawal M Marafa, *Geodiversity, geoconservation and sustainable development of Hong Kong*, Chinese University of Hong Kong (2008)
- [16]. Tourism Queensland, *The U.S. ecotourism market*, (2006)
- [17]. Nguyễn Bảo Vệ, Nguyễn Huy Tài, *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB ĐH Cần Thơ (2003)
- [18]. UK GlobalInfluence, *Geodiversity and Geoconservation*, <http://www.ukglobalinfluence.org>, (2009)